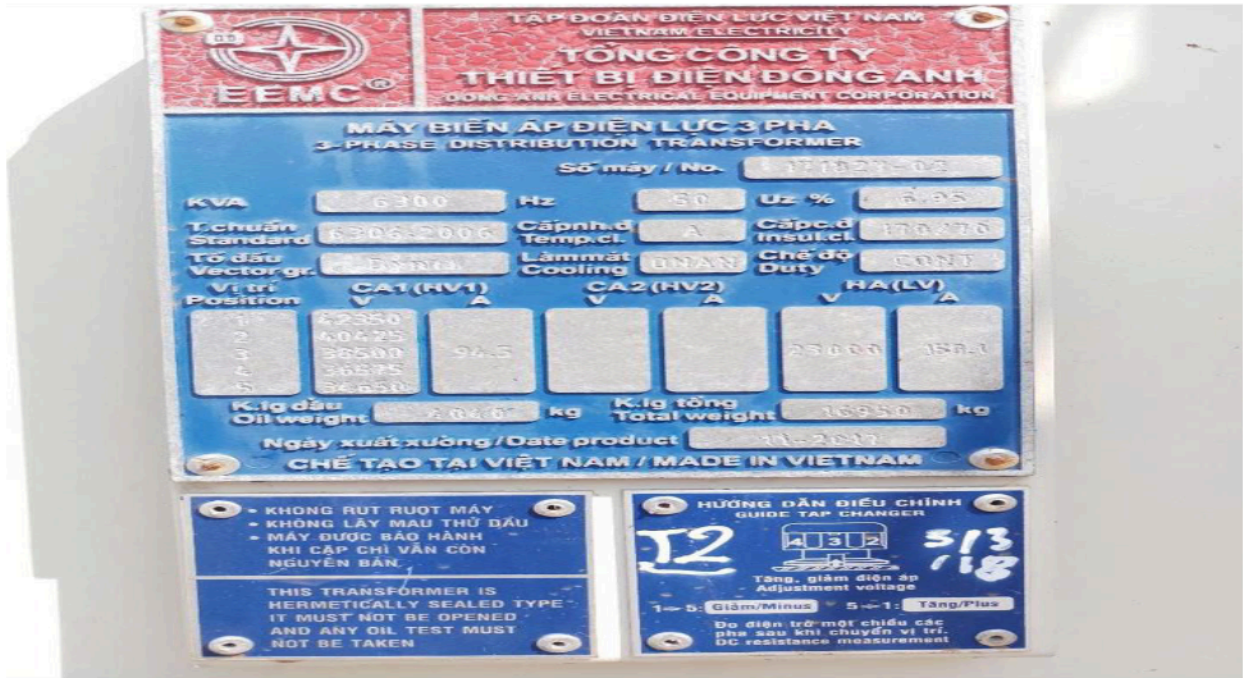


HÌNH ẢNH MBA T1-F19 (6300KVA-38,5/23KV)





Số: 1491225/CPSC - GL

Gia Lai, ngày 24 tháng 12 năm 2025

**BIÊN BẢN THỬ NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH  
 MÁY BIẾN ÁP LỰC 3 PHA**

Đ.vị yêu cầu thử nghiệm: **ĐỘI QUẢN LÝ ĐIỆN PLEIKU - CÔNG TY ĐIỆN LỰC GIA LAI**

Ký hiệu vận hành: **MBA T1-F19**

Chế độ thử nghiệm: + KĐTB:  + Lắp mới:  + Thu hồi:

Ngày thử nghiệm: 24/12/2025 Nhiệt độ môi trường (°C): 29 Độ ẩm (%): 68 Thời tiết: Khô

**I. THÔNG SỐ KỸ THUẬT:**

Kiểu, loại:	6300-38,5/23	Số nấc phân áp	± 2
Số chế tạo:	171827-02	% điều chỉnh điện áp:	5
Hãng/Nước sản xuất:	EEMC - Việt Nam	Năm sản xuất:	2017
Tổ đầu dây:	Dyn_11	Sđm (kVA):	6300
Điện áp định mức (kV):	Sơ cấp: 38.5 Thứ cấp: 23	Dòng điện định mức (A):	Sơ cấp: 94.48 Thứ cấp: 158.14
Số tem kiểm định:	-	Uk%	6,95

**II. THÔNG SỐ THỬ NGHIỆM:**

**1. Kiểm tra bên ngoài(\*):**

Đối tượng kiểm tra	Tình trạng	Đối tượng kiểm tra	Tình trạng
Sứ đầu vào:	Bình thường	Bộ chuyển nấc phân áp:	Bình thường
Mức dầu trong MBA:	Bình thường	Bảng thông số máy:	Bình thường
Vỏ máy:	Bình thường	Ký hiệu các đầu cực về tên pha:	Bình thường
Bộ lọc Silicagen:	Bình thường	Đầu nối đất của vỏ máy:	Bình thường

**2. Đo điện trở cách điện(\*):**

Đối tượng đo	Trước khi thử cao áp (MΩ)			Sau khi thử cao áp (MΩ)			Kết quả	
	R60"	R15"	Kht	R60"	R15"	Kht	Đạt	Không đạt
Sơ cấp - (Vô+Đất)	5000	3400	1.47				X	
Thứ cấp - (Vô+Đất)	4000	2750	1.45				X	
Sơ cấp - Thứ cấp	5500	3700	1.49				X	

**3. Đo điện trở một chiều(\*):**

Cuộn dây sơ cấp (Ω)		R <sub>AB</sub>	R <sub>BC</sub>	R <sub>CA</sub>
Vị trí nấc phân áp	1	0.8411	0.8427	0.8422
	2	0.8019	0.8029	0.8032
	3	0.7634	0.7637	0.7650
	4	0.7247	0.7248	0.7251
	5	0.6860	0.6859	0.6868
<b>Cuộn dây thứ cấp (mΩ)</b>		Roa: 150.24	Rob: 150.64	Roc: 150.17

**- Độ lệch max:**

+ Cuộn dây sơ cấp: 0.21 % - Đạt:  - Không đạt:   
 + Cuộn dây thứ cấp: 0.31 % - Đạt:  - Không đạt:

4. Kiểm tra tỉ số biến thế:

Nấc	Tỉ số nhà chế tạo	Tỉ số kiểm tra			F% max	Kết quả	
		Pha A	Pha B	Pha C		Đạt	Không đạt
1	3.189	3.1939	3.1908	3.1787	0.33	X	
2	3.044	3.0486	3.0454	3.0289	0.51		X
3	2.899	2.9022	2.9005	2.8763	0.80		X
4	2.754	2.7584	2.7548	2.7342	0.74		X
5	2.609	2.6133	2.6101	2.5805	1.12		X

5. Kiểm tra tổ đấu dây: - Dyn\_11

6. Kiểm tra dầu máy biến áp:

Loại dầu	Màu sắc	Điện áp chọc thủng (kV/2.5mm)	Kết quả	
			Đạt	Không đạt

7. Thử điện áp xoay chiều tăng cao tần số công nghiệp(\*):

Đối tượng thử	Điện áp thử (kV)	Thời gian thử (phút)	Kết quả	
			Đạt	Không đạt
Sơ cấp - (Thứ cấp+Vô+Đất)				
Thứ cấp - (Sơ cấp+Vô+Đất)				

8. Thử nghiệm không tải:

Điện áp đưa vào cuộn dây thứ cấp (V)	Dòng điện không tải I <sub>0</sub> (A)			I <sub>0</sub> %	P <sub>0</sub> (W)	Kết quả	
	I <sub>a</sub>	I <sub>b</sub>	I <sub>c</sub>			Đạt	Không đạt
U <sub>ab</sub> =U <sub>bc</sub> =U <sub>ca</sub> =							

9. Thử nghiệm ngắn mạch:

Điện áp đưa vào cuộn dây sơ cấp (V)	Dòng điện ngắn mạch (A)			U <sub>k</sub> (%)	P <sub>k</sub> (W)	Kết quả	
	I <sub>A</sub>	I <sub>B</sub>	I <sub>C</sub>			Đạt	Không đạt
U <sub>AB</sub> =U <sub>BC</sub> =U <sub>CA</sub> =							

10. Đóng điện xung kích điện áp định mức vào cuộn dây thứ cấp của máy biến áp 3 lần:

- Đạt:

- Không đạt:

III. THIẾT BỊ THỬ NGHIỆM:

1. Thiết bị đo điện trở cách điện:	KyoRitSu 3125	N <sup>o</sup> :	W0225893
2. Thiết bị đo điện trở một chiều:	MTO 210	N <sup>o</sup> :	32810214
3. Thiết bị đo tỉ số biến:	ATR-3D	N <sup>o</sup> :	ART15108
4. Thiết bị thử cao thế:	Hipotronics 100KV-20KVA	N <sup>o</sup> :	02-1561-3
5. Thiết bị đo U, I, P:	Hợp bộ đo MBA HTRS-V:	N <sup>o</sup> :	140063
6. Thiết bị đo dầu cách điện:	LD -100	N <sup>o</sup> :	00-849-1

IV. TIÊU CHUẨN THỬ NGHIỆM:

+ QCVN QTĐ - 5: 2008/BCT ; EVN CPC-KT/QĐ.17.

+ IEC 60076-1; TCVN 6306-1:2006; QĐ: 62/QĐ-EVN.

V. KẾT LUẬN:

\* Đạt:

\* Không đạt:

VI. GHI CHÚ:

- Tỷ số biến không đạt.

- Các mục đánh dấu (\*) là các nội dung kiểm định theo thông tư 02/2025/TT-BCT.

NGƯỜI THỬ NGHIỆM

*Khau*

ĐỘI TNSC

*Khau*

TU. GIÁM ĐỐC CÔNG TY  
X. NGHIỆM DVĐL GIA LAI



GIÁM ĐỐC